

Số: 2151/QĐ-KT1

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng, điện tích công trình sự nghiệp của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/06/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2400/QĐ-BKHCN ngày 27/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng, điện tích công trình sự nghiệp thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-TĐC ngày 10/3/2025 của chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;

Căn cứ Công văn số 3918/TĐC-VP ngày 07/11/2025 của Ủy ban TCĐLCL Quốc gia về việc xây dựng tiêu chuẩn, định mức điện tích chuyên dùng, điện tích công trình sự nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng, điện tích công trình sự nghiệp của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các đơn vị, cá nhân thuộc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc sử dụng điện tích chuyên dùng, điện tích công trình sự nghiệp theo đúng tiêu chuẩn, định mức được phê duyệt; đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và đúng mục đích.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, HCTC.



Kim Đức Thu

PHỤ LỤC

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của
Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1**
(Kèm theo quyết định số: **2151/QĐ-KT1** ngày 18 tháng 11 năm 2025)

TT	Tên diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa	Căn cứ pháp lý/ Cơ sở đề xuất	Ghi chú
A	KHỐI CÁC PHÒNG THỬ NGHIỆM			
1	Phòng TN cơ khí -VLXD:	720m²	<p>Diện tích lắp đặt thiết bị: 400m²</p> <ul style="list-style-type: none"> + 25m² đặt 03 máy quang phổ phát xạ + 10m² đặt 04 máy đo độ cứng kim loại + 5m² đặt thiết bị huỳnh quang tia X + 5m² đặt kính hiển vi điện tử + 10m² đặt máy thử lọc bụi khẩu trang + 15m² đặt máy thử độ dai va đập Chapy + 20m² 02 máy thử đa năng + 10m² đặt tủ hút mùi và khu vực hoá chất + 10m² đặt tủ sấy, lò nung, tủ lạnh sâu + 40m² 02 đặt máy thử đa năng + 40m² đặt thiết bị thử vật liệu xây dựng + 10m² đặt tủ môi trường + 40m² đặt thiết bị thử cáp điện + 25m² đặt tủ thử bảo vệ ăn mòn - Sương muối + 20m² đặt máy quang phổ phát xạ hồ quang + 10m² đặt máy nung chảy kim loại + 20m² đặt tủ thời tiết - UV + 15m² đặt tủ sốc nhiệt <ul style="list-style-type: none"> • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 145m² + 40m² sử dụng cho các chỉ tiêu hóa, độ cứng + 65m² sử dụng cho các chỉ tiêu cơ lý + 40m² sử dụng cho các chỉ tiêu vật liệu xây dựng <ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 130m² + 50m² khu vực nhận mẫu + 50m² khu vực lưu mẫu + 30m² phòng lưu trữ hồ sơ <ul style="list-style-type: none"> • Diện tích xử lý mẫu: 45m² 	
2	Phòng thử nghiệm Điện – Điện tử - Hiệu xuất năng lượng	1840m²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 1500m² - 60m²: Thiết bị đầu cuối viễn thông và công nghệ thông tin; Thiết bị thử nghiệm cào xước lớp phủ cách điện; Thiết bị thử nghiệm mô men; Thiết bị thử nghiệm trục quay; Thiết bị thử nghiệm va đập - 50m²: Máy thử kéo; Máy cắt mẫu, tạo mẫu - 35m²: Tủ lão hóa; buồng kiểm soát nhiệt độ - 20m²: Thử cao áp Thiết bị thử xung; Hệ thống nối đất bảo vệ 	

			<ul style="list-style-type: none"> - 30m²: Tủ môi trường và Hệ thống làm mát bằng nước tuần hoàn - 10m²: Tủ sương muối - 360m²: t/bị Thử hiệu suất năng lượng - 30m²: Thử thiết bị đóng cắt và phụ kiện đường dây - 25m²: Thử sự cố, nguy hiểm - 250m²: Thử nghiệm sản phẩm thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo - 30m²: Thử nghiệm phơi ngoài trời - 200m²: t/b thử nghiệm tương thích điện từ (EMC) - 200m²: t/b thử nghiệm chiếu sáng - 200m²: t/b thử nghiệm điện cao áp • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 180m² • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 100m² • Diện tích xử lý mẫu: 60m² 	
3	Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng	970m²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 450m² <ul style="list-style-type: none"> - 400m²: đặt các máy thử kéo, nén, xoắn, uốn; các thiết bị tủ sấy ;các thiết bị thử liên quan đến nước; đặt các thiết bị thử cháy ; các thiết bị khác - 190 m2: Mở rộng năng lực thử nghiệm đối với sản phẩm ống nhựa kích thước lớn (Đường kính 630 mm; hiện tại đường kính kiểm tra lớn nhất 250 mm). Tăng cường thử nghiệm sản phẩm hàng tiêu dùng trong giai đoạn 2021 ÷2025: <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt thiết bị độ bền màu giặt (Sản phẩm vải) - Lắp đặt đo độ cứng Shore A - Thiết bị đo độ bám dính lớp phủ - Máy kéo vụn năng một trục tải trọng 2 kN - Thiết bị đo chỉ số chảy (Chất dẻo) - Thiết bị thử ảnh hưởng của ghề Castro (Đối với thảm trải sàn đàn hồi) - Thiết bị đo sự giảm độ dày do tải trọng. • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 190m² sử dụng để xử lý các chỉ tiêu cơ lý, vải , dệt, da, may mặc. • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 150m² • Diện tích xử lý mẫu: 180m² <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng xử lý mẫu nhựa cao su - Gia công mẫu sơn - sử dụng đưng các loại hóa chất 	
			<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 400m² Dùng lắp đặt cho các thiết bị sau: <ul style="list-style-type: none"> - 02 hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử: 40m² - 02 hệ thống Máy ICP OES: 40 m² 	

4	Phòng thử nghiệm Hóa thực phẩm	750m ²	<ul style="list-style-type: none"> - 02 hệ thống Máy ICP MS: 40 m² - 02 hệ thống Máy sắc ký lỏng: 50 m² - 02 hệ thống Máy sắc ký lỏng khối phổ: 50 m² - 01 Máy sắc ký khí: 40 m² - 02 hệ thống Máy sắc ký khí khối phổ: 50 m² - hệ thống tủ hút mùi: 50 m² - 02 Hệ thống chung cất đạm: 15 m² - Khu vực cân mẫu: 10 m² - Khu vực để lò nung, tủ sấy: 15 m² • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 180m² - 70m² dùng cho các chỉ tiêu phân tích hóa cơ bản - 10m² cho các chỉ tiêu phá mẫu bằng nhiệt - 50m² sử dụng để xử lý các chỉ tiêu hữu cơ - 50m² sử dụng cho các chỉ tiêu vô cơ • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 120m² • Diện tích xử lý mẫu: 50m² 	
5	Phòng thử nghiệm Môi trường - Hóa chất	780m ²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 310m² -70m² đặt các máy sắc ký khí và lỏng -40m² đặt 02 máy phân tích kim loại -30m² đặt 4 tủ hút mùi -20m² đặt các thiết bị phân tích phân bón - 5m² tủ cấy vi sinh - 10m² nồi hấp - 5m² máy đo hoạt độ phóng xạ -10m² tủ sấy -50m² đặt cho máy sắc ký và máy quang phổ -10m² đặt máy đo TOC -10m² tủ sấy chân không -50m² các thiết bị so màu và bộ cô quay chân không • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 220m² -70m² sử dụng cho các chỉ tiêu hóa lý -20m² sử dụng cho các chỉ tiêu hữu cơ - 50m² sử dụng để xử lý các chỉ tiêu hữu cơ - 50m² sử dụng cho các chỉ tiêu hóa lý - 30m² phòng cân • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 210m² • Diện tích xử lý mẫu: 40m² 	
6	Phòng thử nghiệm Xăng Dầu Khí	440m ²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 220m² -40 m² đặt 02 thiết bị Octan và Xêtan -60m² đặt 04 máy sắc ký khí -20m² đặt máy phân tích kim loại -30m² đặt 4 tủ hút mùi -60m² đặt các thiết bị phân tích xăng dầu -10m² tủ sấy, lò nung. • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 150m² -70m² sử dụng cho các chỉ tiêu LPG 	

			<ul style="list-style-type: none"> -20m² sử dụng cho các chỉ tiêu than và nhiên liệu sinh khối -25m² sử dụng để xử lý các chỉ tiêu LPG -30m² sử dụng cho các chỉ tiêu khác -5m² phòng cân • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 50m² • Diện tích xử lý mẫu: 20m² 	
7	Phòng thử nghiệm An toàn công nghiệp – NDT	485m ²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 270m² - 40 m² đặt Thiết bị thử nghiệm độ bền va đập bi rơi, độ bền va đập con lắc, kiểm tra ngoại quan, ứng xuất bề mặt kính, điềm sương, độ bền nhiệt độ cao - 20 m² đặt các thiết bị chụp Xquang , rửa phim - 15 m² đặt Máy quang phổ tử ngoại khả kiến cận hồng ngoại, Máy quang phổ hồng ngoại FTIR - 15 m² đặt các thiết bị thử nghiệm hiệu quả sử dụng nước - 80 m² đặt các thiết bị thử nghiệm thiết bị tập luyện thể thao - 20 m² đặt các thiết bị thử nghiệm thiết bị vệ sinh - 80 m² đặt các thiết bị thử nghiệm hệ mặt dựng kính xây dựng • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 115m² - 15m² sử dụng cho các chỉ tiêu thử nghiệm cơ của kính xây dựng - 55m² sử dụng cho các chỉ tiêu thử nghiệm quang nhiệt của kính xây dựng - 15m² sử dụng cho các thiết bị thử nghiệm hiệu quả sử dụng nước - 10m² sử dụng cho các chỉ tiêu thử nghiệm không phá hủy - 20m² sử dụng để bảo dưỡng mẫu kính xây dựng trước khi thử nghiệm - 80m² sử dụng thao tác cho các thiết bị thử nghiệm thiết bị tập luyện thể thao - 10m² dùng cho các thử nghiệm thiết bị vệ sinh - 200m² sử dụng cho các thiết bị thử nghiệm hệ mặt dựng kính xây dựng (Hệ thống quạt, đường ống dẫn, kết cấu lắp đặt mẫu) • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 80m² • Diện tích gia công mẫu: 20m² 	
8	Phòng thử nghiệm Vi sinh - GMO	820m ²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 230m² - 30m² đặt thiết bị tủ ẩm nuôi vi sinh - 25m² đặt thiết bị sinh học phân tử - 15m² đặt thiết bị khử trùng (nồi hấp, tủ sấy) - 10m² đặt thiết bị xử lý kết quả - 20m² tủ cấy vi sinh 	

			<ul style="list-style-type: none"> -110m² lắp đặt thiết bị thử nghiệm đồ bảo hộ -10m² đặt máy elisa -10m² máy lọc nước cấp siêu tinh khiết • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 340m² -110m² sử dụng cho các chỉ tiêu sinh học phân tử và GMO -140m² sử dụng cho các chỉ tiêu vi sinh truyền thống - 70m² sử dụng để xử lý các chỉ tiêu thử nghiệm đồ bảo hộ - 20m² chuẩn bị môi trường hóa chất • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 150m² • Diện tích xử lý mẫu: 100m² 	
B KHỐI CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ				
	Tên diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa	Căn cứ pháp lý, cơ sở đề xuất	
9	Nghiệp vụ Cơ khí, điện, điện tử	120m²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 20m² • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 50m² • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 50m² 	
10	Nghiệp vụ Hoá chất, Vật liệu xây dựng	110m²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 15m² • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 35m² • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 60m² 	
11	Nghiệp vụ Thực phẩm, Hàng tiêu dùng	160m²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 15m² • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 25m² • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 120m² 	
12	Phòng Chứng nhận	130m²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 15m² • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 15m² • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 100m² 	
C KHỐI CÁC PHÒNG ĐO LƯỜNG				
	Tên diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa	Căn cứ pháp lý, cơ sở đề xuất	
13	Phòng Đo lường Khối lượng	350m²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 155m² - 06 bàn đá đặt cân so sánh - thiết bị kiểm tra tải trọng xe - thiết bị kiểm tra cân móc cầu - cho 02 bộ quả cân chuẩn E2 và F1 - cho cân so sánh 52 kg - đặt quả cân M1 (200 quả) - đặt xích chuẩn (2 xích) - sử dụng thiết bị hút ẩm - quả cân F2 (250 quả) 	

			<ul style="list-style-type: none"> -quả cân E2 -cân so sánh 50 kg • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 120m² • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 75m² 	
14	Phòng Đo lường Điện	720m ²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 470m² + đặt thiết bị kiểm định công tơ điện, nguồn tạo dòng áp phục vụ hiệu chuẩn chuẩn điện năng. + đặt thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn biến dòng biến áp trung thế, hạ thế. + đặt khối nguồn và chuẩn để hiệu chuẩn các thiết bị đo đa năng dòng, áp, góc pha + đặt các hộp điện trở chuẩn, điện trở chuẩn đo kiểm các thiết bị đo điện trở đất, điện trở cách điện, cầu đo điện trở, điện trở tiếp xúc.. + đặt các thiết bị đo kiểm , tạo điện áp cao thử độ bền cách điện, dầu cách điện, thiết bị thí nghiệm. + đặt các thiết bị chuẩn biến dòng biến áp cao thế đến 500KV • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 250m² • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 150m² 	
15	Phòng Đo lường Cơ – Độ dài	250m ²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 115m² - 40m²: Khu vực các thiết bị Đo lường Độ dài. - 25m²: Khu vực các thiết bị Đo lường Lực. - 25m²: Khu vực các thiết bị Đo lường Áp suất. - 25m²: Khu vực các thiết bị Đo lường Thời gian – Tần số và Quang học. • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 70m² • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 65m² 	
16	Phòng Đo lường Nhiệt Ẩm và Thiết bị y tế	360m ²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 200 m² - 20 m²: Khu vực hiệu chuẩn nhiệt kế bức xạ (bao gồm: 2 nguồn chuẩn vật đen, hệ thống khung giá đỡ di chuyển thiết bị theo chiều dài qui định) - 40 m²: Khu vực hiệu chuẩn nhiệt kế độ chính xác cao (nhiệt kế thủy tinh, nhiệt kế điện trở,...). bao gồm: 5 bể điều nhiệt, thoáng khí xung quanh, không gian thu hồi chất lỏng khi xảy ra sự cố) - 50 m²: Khu vực hiệu chuẩn nhiệt kế hiện số và tương tự, (bao gồm: 12 thiết bị tạo nhiệt độ môi trường, 03 thiết bị chỉ thị nhiệt độ chuẩn đi kèm với các đầu đo tương ứng) - 30 m²: Khu vực hiệu chuẩn Nhiệt độ, độ ẩm (2 nguồn chuẩn nhiệt độ, độ ẩm) - 20 m²: Khu vực hiệu chuẩn thiết bị dung tích - 40 m²: Khu vực hiệu chuẩn thiết bị y tế (điện tim, điện não, huyết áp kế,...) • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 120m² 	

			<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 40m² 	
17	Phòng Đo lường Dung tích – Lưu lượng	400m ²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 200m² - 100 m² đặt hệ thống kiểm định, thử nghiệm đồng hồ nước lạnh - 20m² đặt các thiết bị hiệu chuẩn bình chuẩn kim loại cấp chính xác 0,05; 0,1; 0,2 - 10 m² đặt các thiết bị hiệu chuẩn bình chuẩn thủy tinh - 40 m² đặt các thiết bị hiệu chuẩn bình chuẩn kim loại cấp chính xác 0,02 - 30 m² đặt các thiết bị kiểm định đồng hồ khí công nghiệp • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 100m² • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 100m² 	
18	Phòng Đo lường Hóa lý	240m ²	<ul style="list-style-type: none"> • Diện tích lắp đặt thiết bị: 110m² - 50 m² đặt thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo thông số trong dung dịch - 30 m² đặt các thiết bị đo nồng độ các khí - 30 m² đặt các thiết bị đo hóa lý khác • Diện tích thao tác, sử dụng thiết bị: 90m² • Diện tích lưu mẫu, nhận mẫu: 30m² • Diện tích gia công mẫu: 10m² 	
	TỔNG CỘNG:	9.645 m²		

